



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03830/2024/PKQ/24.1800

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.02: Nước thải sinh hoạt sau xử lý. Toạ độ: X=20.662569, Y=105.929155
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 13/05/2024
Ngày trả kết quả	13/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.02	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,20	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,9	40
3	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	16	150
4	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	19	100
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	36	150
6	BOD ₅ ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	13	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
8	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	167	1.000
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	2
10	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,308	10
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,12	6
12	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	30	40
13	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0028	0,5
14	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	0,1
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,5
16	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,20	5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03830/2024/PKQ/24.1800

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.02	
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	1
18	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,1
19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	2
20	Kẽm (Zn)*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,09	3
21	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,5
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0017	0,5
23	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,1
24	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0088	0,1
25	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	0,01
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,7	10
27	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	
28	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	200	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 13 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Vinh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu. Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03829/2024/PKQ/24.1800

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải công nghiệp sau xử lý. Toạ độ: X=20.662497, Y=105.929328
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 13/05/2024
Ngày trả kết quả	13/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,50	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,1	40
3	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	<12	150
4	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	17	100
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	26	150
6	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2023	10	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
8	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	99	1.000
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	2
10	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,626	10
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	1,08	6
12	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	40
13	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0037	0,5
14	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	0,1
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,5
16	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,24	5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03829/2024/PKQ/24.1800

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
17	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	1
18	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,1
19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	2
20	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,16	3
21	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,5
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0015	0,5
23	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,1
24	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0059	0,1
25	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	0,01
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	2,4	10 ^Y
27	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	1
28	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	450	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 13 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03831/2024/PKQ/24.1800

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.03: Mẫu nước thải điểm xả cuối - Mixing tank Toạ độ: X=20.662763, Y=105.929163
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 13/05/2024
Ngày trả kết quả	13/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.03	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,00	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,5	40
3	Độ màu ^(*)	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	24	150
4	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	21	100
5	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	44	150
6	BOD ₅ ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	16	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
8	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	181	1.000
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	2
10	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	1,4	10
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	2,21	6
12	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	23	40
13	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	0,0024	0,5
14	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	0,1
15	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,5
16	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,32	5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03831/2024/PKQ/24.1800

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.03	
17	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,17	1
18	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,1
19	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,080	2
20	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,09	3
21	Niken (Ni)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,5
22	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0005)	0,5
23	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,1
24	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0098	0,1
25	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0005)	0,01
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,0	10
27	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,045	10
28	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	45	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 13 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

SỐ: 03752/2024/PKQ/24.1438

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Khu kí túc xá nhân viên của Công ty Honda Việt Nam - KCN Đồng Văn I, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý. Toạ độ: X=20.654569, Y=105.925692
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 09/05/2024
Ngày trả kết quả	09/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,90	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	22,6	40
3	Lưu lượng	m ³ /h	ISO 748:2007	2,62	-
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	100
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12	150
6	BOD ₅	mg/L	SMEWW 5210B:2023	4	50
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
8	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194: 1996	62	1.000
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	<0,8	2
10	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,252	10
11	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,99	6
12	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	14	40
13	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	5
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	10
15	Dầu, mỡ Động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<3,6	-
16	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	230	5.000
17	H ₂ S (Tính theo S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03752/2024/PKQ/24.1438

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

Bắc Giang, ngày 09 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03827/2024/PKQ/24.1800

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải hệ thống xử lý khói lò nung 800Kg Toạ độ: X=20.662928, Y=105.925858
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 13/05/2024
Ngày trả kết quả	13/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.01	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	14.775	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	161,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1,8	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	28,5	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,06)	16

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03827/2024/PKQ/24.1800

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 13 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03828/2024/PKQ/24.1800

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.02: Khí thải hệ thống xử lý khói lò nung 2000Kg Toạ độ: X=20.662693, Y=105.925794
Ngày quan trắc	25/04/2024
Ngày phân tích	25/04/2024 đến 13/05/2024
Ngày trả kết quả	13/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.02	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	13.969	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	157,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1,8	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	29,8	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	HF	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,06)	16

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03828/2024/PKQ/24.1800

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "< ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 13 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03592/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải ống khói TC1 - ABS 5.1. Toạ độ: X=20.660004, Y=105.928872
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.03	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	58.583	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-
3	Áp suất	mm H2O	SOP.QT.KT.02	1,7	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn thử mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03592/2024/PKQ/24.1436

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đông Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "< ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03593/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải ống khói TC2 - ABS 5.2. Toạ độ: X=20.661162, Y=105.927757
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.04	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	46.143	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	36,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1,4	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Mọi nội dung chi tiết, công ty không chịu trách nhiệm nếu khách hàng không gửi đầy đủ tài liệu kèm theo.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03593/2024/PKQ/24.1436

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03594/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói UC1 - ABS 5.1. Toạ độ: X=20.661287, Y=105.927755
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.05	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	49.121	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	38,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Lưu ý: Mọi bản ghi mẫu, Công ty không giữ quyền việc kiểm tra kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03594/2024/PKQ/24.1436**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03595/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.06: Khí thải ống khói UC2 - ABS 5.2. Toạ độ: X=20.661102, Y=105.928028
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.06	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	24.177	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Mọi chi tiết xin liên hệ Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC: Phòng Quản lý Môi trường và Chất lượng.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03595/2024/PKQ/24.1436**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03596/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.07: Khí thải ống khói UC Auto - ABS 6 Toạ độ: X=20.661316, Y=105.928044
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.07	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	30.880	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H2O	SOP.QT.KT.02	2,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,37	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Lưu ý: Mọi nội dung chi tiết, Công ty không giữ quyền về các kết quả này khi gửi kết quả phân tích.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03596/2024/PKQ/24.1436**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đông Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03597/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.08: Khí thải ống khói UC Manu - ABS 6 Toạ độ: X=20.661756, Y=105.928050
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.08	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	35.248	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-
3	Áp suất	mm H2O	SOP.QT.KT.02	1,4	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,23	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Chưa một nhận xét môi trường, Công ty không giữ quyết việc kiểm tra kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03597/2024/PKQ/24.1436**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đông Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03598/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.09: Khí thải ống khói TC Auto - ABS 6 Toạ độ: X=20.661758, Y=105.927848
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.09	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	54.916	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H2O	SOP.QT.KT.02	4,3	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,50	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Mọi chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC, Văn phòng: 02046 285 678; Email: moitruong@fec.com.vn

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03598/2024/PKQ/24.1436**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03716/2024/PKQ/24.1772

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.10: Khí thải ống khói TC Manu - ABS 6 Toạ độ: X=20.661906, Y=105.927837
Ngày quan trắc	24/04/2024
Ngày phân tích	24/04/2024 đến 08/05/2024
Ngày trả kết quả	08/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.10	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	47.655	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	34,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	4,8	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,19	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **03716/2024/PKQ/24.1772**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03599/2024/PKQ/24.1436

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.11: Khí thải ống khói UC Auto - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661756, Y=105.928050
Ngày quan trắc	23/04/2024
Ngày phân tích	23/04/2024 đến 03/05/2024
Ngày trả kết quả	03/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.11	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	51.674	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	37,0	-
3	Áp suất	mm H2O	SOP.QT.KT.02	4	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,50	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Lưu ý: Mọi nội dung chi tiết, công ty không giữ quy chế việc kiểm tra kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03599/2024/PKQ/24.1436

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đông Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 03 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03717/2024/PKQ/24.1772

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.12: Khí thải ống khói TC Manu - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661868, Y=105.928049
Ngày quan trắc	24/04/2024
Ngày phân tích	24/04/2024 đến 08/05/2024
Ngày trả kết quả	08/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.12	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	43.773	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	4,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,34	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03717/2024/PKQ/24.1772

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn/II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03718/2024/PKQ/24.1772

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.13: Khí thải ống khói TC Auto - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661886, Y=105.928052
Ngày quan trắc	24/04/2024
Ngày phân tích	24/04/2024 đến 08/05/2024
Ngày trả kết quả	08/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.13	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	58.000	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	32,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	5,4	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,27	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03718/2024/PKQ/24.1772

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03719/2024/PKQ/24.1772

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.14: Khí thải ống khói UC Manu - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661904, Y=105.928051
Ngày quan trắc	24/04/2024
Ngày phân tích	24/04/2024 đến 08/05/2024
Ngày trả kết quả	08/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.14	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	59.321	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	34,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	5,8	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,69	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n- Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03719/2024/PKQ/24.1772

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{\max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03644/2024/PKQ/24.1771

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.15: Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 1 Toạ độ: X=20.661688, Y=105.928953
Ngày quan trắc	22/04/2024
Ngày phân tích	22/04/2024 đến 04/05/2024
Ngày trả kết quả	04/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.15	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	97.798	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	34,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3,5	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0095	4
9	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (MDL=1,2)	6
10	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,23	40

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Mọi thắc mắc xin liên hệ Công ty Cổ phần Tập đoàn FEC: KHOA QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG - PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03644/2024/PKQ/24.1771

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{\max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 04 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03645/2024/PKQ/24.1771

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.16: Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 2 Toạ độ: X=20.661682, Y=105.929032
Ngày quan trắc	22/04/2024
Ngày phân tích	22/04/2024 đến 04/05/2024
Ngày trả kết quả	04/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.16	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	96.397	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	35,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0132	4
9	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (MDL=1,2)	6
10	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	40

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03645/2024/PKQ/24.1771

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 04 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03646/2024/PKQ/24.1771

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, phường Duy Minh, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.17: Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 3 Toạ độ: X=20.661683, Y=105.929107
Ngày quan trắc	22/04/2024
Ngày phân tích	22/04/2024 đến 04/05/2024
Ngày trả kết quả	04/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.17	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	92.037	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3,6	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0111	4
9	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (MDL=1,2)	6
10	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,23	40

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN: CÔNG TY KHÔNG GIẢI QUYẾT VIỆC KHẨN HIỆP KẾT QUẢ PHÂN TÍCH.

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03646/2024/PKQ/24.1771

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- + (1): $C_{\max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 C_{\max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
 K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 04 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03720/2024/PKQ/24.1772

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.18: Khí thải FI. Toạ độ: X=20.660004, Y=105.928872
Ngày quan trắc	24/04/2024
Ngày phân tích	24/04/2024 đến 08/05/2024
Ngày trả kết quả	08/05/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.18	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	6.287	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	34,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1,0	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<3,8	6
9	Hydrocacbon (n-heptane)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	2.000 ^a
10	Hydrocacbon (n-hexan)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09	450 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03720/2024/PKQ/24.1772

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thị Oanh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01